

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2017

V/v tranh chấp: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Tuyền.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Kiệt**

2. Ông **Trần Văn Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thùy Dung** - Thư lý Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy.**-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 491/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp *Xin ly hôn*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Trần Nữ Thiện T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

- Bị đơn: ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1977

Địa chỉ: 30/6 đường K, tổ N khu phố M, phường T, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt bà T, vắng mặt ông H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Nữ Thiện T trình bày: do quen biết nên vào năm 2002 bà và ông Nguyễn Ngọc H tự nguyện chung sống vợ chồng, vợ chồng có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 243 ngày 30/12/2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2007 thì bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H không quan tâm gì đến vợ con, suốt ngày rượu chè dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và trầm trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2007 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 31/8/2003. Khi ly hôn bà T yêu cầu ông H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H đã được toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên hoà giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì và không có mặt để dự phiên toà mà không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Nữ Thiện T và ông Nguyễn Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 243 ngày 30/12/2002. Ngày 07/8/2017 bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H đây là tranh chấp xin ly hôn được quy định tại điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H là có căn cứ đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Nữ Thiện T và ông Nguyễn Ngọc H tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2002 được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H không quan tâm gì đến vợ con, suốt ngày rượu chè, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và trầm trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2007 cho đến nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho ông H để thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của bà T, nhưng ông H không có ý kiến gì và không có mặt tham gia phiên hoà giải mà không có lý do, khi Tòa án xét xử đã triệu tập ông H đến để tham dự phiên tòa, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc ông H không đến dự phiên tòa là ông mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Xét thấy, đời sống vợ chồng giữa bà T và ông H đã mâu thuẫn trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 31/8/2003. Khi ly hôn bà T yêu cầu con chung do ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà T cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hiện nay cháu T đang sống với ba và cháu cũng có nguyện vọng muốn được sống với ba, ông H không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, như vậy là ông mặc nhiên đồng ý theo yêu cầu của bà T về nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và để ổn định cuộc sống cho cháu nên yêu cầu ông H tiếp tục nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Bà T có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở bà T thực hiện quyền này .

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu và đề nghị: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông H, con chung giao ông H trực tiếp nuôi dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho bà Trần Nữ Thiện T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H.

2- Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 31/8/2003 cho ông Nguyễn Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Nữ Thiện T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T tròn 18 tuổi lao động được.

Bà T có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở bà T thực hiện quyền này .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu bà T chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3- Về án phí: Bà Trần Nữ Thiện T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 32300 ngày 07/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4- Bà T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã N, Chợ Gạo
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Ngọc Tuyền